

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC
QUÂN KHU 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 28/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Đặng Quốc Đạt.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Phạm Hoàng Huynh,

1// Hà Công Duân.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Trương Đình Luân - Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21 tham gia phiên tòa: 3/ Phan Trung Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn K; sinh ngày 20 tháng 5 năm 1949 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị C và 03 con (đều đã trưởng thành); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/01/2024 đến ngày 07/02/2024, bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Quân khu 2; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Thanh N, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- Bị hại: Anh Phạm Xuân T; sinh ngày 19 tháng 8 năm 1975; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 1// QNCN, thợ sửa chữa, phân xưởng vũ khí Xưởng X78 - Cục K - QK2; nơi cư trú: Khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh Phan Ngọc C; có mặt;

2. Anh Nguyễn Văn L; vắng mặt;

3. Chị Nguyễn Thị T; có mặt;

4. Ông Nguyễn Văn Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 16/01/2024, bị cáo Nguyễn K thuê ông Nguyễn Văn Đ cùng 02 con ở khu 13, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ làm hàng rào tại khu vực hành lang đường bộ tiếp giáp Quốc lộ 70B phía trước cửa nhà bị hại Phạm Xuân T. Khi đó, anh Phan Ngọc C gọi điện thông báo cho bị hại T biết. Khoảng 08 giờ 40 phút, bị hại T về đến nhà thấy bị cáo và 03 người thợ đang làm hàng rào sắt B40 trước cửa nhà mình. Bị hại hỏi những người thợ “Ai cho các anh làm”, 03 người thợ trả lời: “Ông K thuê chúng tôi làm”, bị cáo nói với 03 người thợ: “Chúng mày cứ làm đi, tội đâu tao chịu”, bị hại tiếp tục nói với những người thợ: “Đừng nghe ông K, nếu nghe ông K là sẽ vi phạm pháp luật, các anh sẽ phải liên đới trách nhiệm”. Thấy vậy, 03 người thợ không làm nữa và thu dọn đồ đạc ra về. Lúc này, bị cáo đứng ở cạnh hàng rào sắt B40 cách bị hại khoảng 2,7m, bị cáo dùng tay phải rút con dao nhọn từ túi quần bên phải tiến đến chỗ bị hại đang đứng rồi đâm một nhát vào vùng ngực phía trước bên phải của bị hại theo chiều từ trên xuống dưới, từ trước về sau. Sau đó, bị cáo nói “Sâu lắm đấy” và quay người đi về phía nhà mình thì bị anh C ôm chặt từ đằng sau, anh Nguyễn Văn L lấy dao ra khỏi túi quần của bị cáo, bị hại T được người dân đưa đi cấp cứu. Hậu quả: Bị hại T bị tổn thương cơ thể là 01%.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu và có nội dung: Trước khi bị cáo làm hàng rào thì bị cáo đã được gia đình can ngăn và nói đó là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn tự ý thực hiện. Bị cáo cho rằng phần đất hành lang đường bộ trước cửa nhà anh T cùng với một số hộ dân khác và phần đất đằng sau nhà của họ là đất của bị cáo. Bị cáo đã nhiều lần gửi đơn lên Ủy ban nhân dân (UBND) xã N và Tòa án nhân dân huyện Đ nhưng chưa được giải quyết nên bị cáo rất bức xúc. Do đó, ngày 16/01/2024, khi anh T không cho bị cáo làm hàng rào nên bị cáo đã dùng dao đâm một nhát vào vùng ngực phía trên bên phải của anh T. Con dao bị cáo mang đi từ nhà để cắt các sợi dây nhựa buộc vật liệu làm hàng rào. Trước khi xảy ra sự việc, bị cáo và anh T không có mâu thuẫn hay thù tức gì khác.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại T khai có nội dung: Bị cáo K cho rằng phần đất hành lang đường trước cửa nhà tôi và 02 nhà hàng xóm là đất của nhà bị cáo. Sự việc tranh chấp đất này đã được UBND xã N và Tòa án huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giải thích rõ ràng, đất hành lang trước cửa nhà chúng tôi không phải là đất của bị cáo. Ngày 16/01/2024, khi tôi ngăn không cho bị cáo và những người bị cáo thuê tiếp tục làm hàng rào trên phần đất hành lang đường bộ trước cửa nhà thì bị cáo đã có hành vi dùng dao đâm vào ngực phải của tôi. Sau khi đâm xong, bị cáo bỏ đi và có nói “Sâu lắm đấy”.

Người làm chứng Phan Ngọc C, Nguyễn Thị T khai tại phiên toà và người làm chứng Nguyễn Văn L khai tại cơ quan điều tra đều có nội dung: Trước và sau khi sự việc xảy ra, anh T không xô xát gì với bị cáo. Nguyên nhân xảy ra sự việc là do bị cáo vô cớ cho rằng phần đất hành lang đường trước cửa nhà anh T và một số gia đình ở khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là đất của bị cáo; bị cáo tự ý thuê người đến rào trước cửa nhà anh T; khi anh T can ngăn không cho rào thì bị cáo dùng dao đâm anh T.

Người làm chứng Nguyễn Thị T tại phiên tòa và người làm chứng Nguyễn Văn L tại cơ quan điều tra còn khai: Sau khi đâm anh T xong, bị cáo đi về hướng nhà bị cáo và có nói “Sâu lắm đây”.

Người làm chứng Nguyễn Văn Đ có lời khai tại cơ quan điều tra: Tôi được ông K thuê đến dựng hàng rào, vị trí cụ thể do ông K trực tiếp chỉ; khi chúng tôi đang làm thì có một người đàn ông đi đến nói đây là nhà của anh ấy và bảo chúng tôi không được rào nữa. Sau đó chúng tôi dừng lại và dọn dẹp đồ đạc để đi về. Khi đang dọn đồ ra xe thì tôi nghe thấy có người hô “bị ông K đâm rồi” tôi quay lại nhìn thấy người đàn ông khi này đang dùng tay ôm vào ngực bên phải và ngồi xuống đất.

Theo Biên bản xác minh của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 Quân khu 2 với UBND xã N ngày 26/01/2024 và lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa đều có nội dung: Ông Nguyễn K trong quá trình sinh sống tại địa phương theo phản ánh của nhân dân khu 7, xã N đã có nhiều lần gây rối, đe dọa hàng xóm, gây bức xúc trong nhân dân. Ngoài ra, ông K nhiều lần viết đơn kiện cáo không có căn cứ, đã được chính quyền địa phương giải thích, hoà giải và giải quyết nhưng không nhất trí. Ông K đã khiếu kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ và được Tòa trả lời đơn ông K là không đủ căn cứ. Sau đó ông K đã gây ra sự việc vào ngày 16/01/2024. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận nội dung trên.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường do Công an xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ lập ngày 16/01/2024 thể hiện: Nơi xảy ra sự việc tại khu vực sân bê tông trước nhà ở của gia đình anh Phạm Xuân T tại khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Tại đây có đặt 4 hàng rào làm bằng khung sắt hình chữ V, rào lưới B40, tạo thành các khung hình chữ nhật kích thước giống nhau, đều có kích thước (2x1,2)m; nằm trên phần hành lang giao thông đường bộ; cách cửa sắt nhà anh T khoảng 04m đến 05m.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể số 34/KLTTCT-PVVP ngày 30/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Cơ chế hình thành vết thương của anh Phạm Xuân T do vật sắc nhọn gây nên; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 01%.

Quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo đã thoả thuận và bồi thường xong toàn bộ thiệt hại của vụ án cho bị hại. Bị hại đã có đơn và tại phiên tòa tiếp tục xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 15 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21 truy tố bị cáo Nguyễn K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu; đồng thời phân tích các chứng cứ, tài liệu chứng minh tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự: Áp dụng các điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b “Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, điểm i “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, điểm o “Là người đủ 70 tuổi trở lên”, điểm s “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, điểm v “Là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu”, điểm x “Là người có công với cách mạng” khoản 1 và khoản 2 (bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo) Điều 51 BLHS; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn K 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (07/02/2024).

- Về dân sự: Ghi nhận bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại của vụ án với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu, tiêu hủy 01 con dao; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 áo bảo hộ lao động, 01 áo nỉ, 01 áo lót cộc tay.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa,

Bị hại nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến bổ sung gì.

Bị cáo và người bào chữa đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS; không đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên cho rằng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS vì: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc tranh chấp đất đai giữa bị cáo với gia đình anh T và một số hộ gia đình kéo dài, chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm. Bị hại T có lời nói ngăn cản không cho bị cáo và những người thợ làm hàng rào nên bị cáo bức xúc, tức thời thực hiện hành vi phạm tội chứ không phải là vô cớ tấn công bị hại. Bị cáo là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; việc bị cáo nhiều lần gây rối, đe dọa, hàng xóm, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân như nhận định Kiểm sát viên là không có cơ sở. Hậu quả hành vi phạm tội của bị

cáo là ít nghiêm trọng, tỉ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 01%. Bị cáo dùng dao đâm vào ngực của bị hại 01 nhát sau đó đi về, hành vi của bị cáo không thể hiện sự tấn công liên tục, hung hãn. Bị cáo là người cao tuổi, thương binh nên không có khả năng uy hiếp khiến cho bị hại phải hoảng sợ. Theo hướng dẫn về việc áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” tại Công văn 4962/VKSTC-V14 ngày 15/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao thì “...*Tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” là tình tiết “định tính”. Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, để áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xác định, đánh giá toàn diện về nguyên nhân, động cơ, mục đích, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội; tính chất, mức độ, phương thức, hành động thực hiện hành vi phạm tội; thái độ, ý thức chủ quan của người phạm tội...*”. Do đó, không đủ cơ sở để áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” theo điểm i khoản 1 điều 134 BLHS đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo vì con trai bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác, được cơ quan, đơn vị tặng thưởng nhiều danh hiệu.

Đôi đáp với ý kiến tranh luận của người bào chữa, Kiểm sát viên cho rằng, mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại T chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt; việc tranh chấp đất đai giữa bị cáo với bị hại và các hộ gia đình xung quanh đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải thích nhưng bị cáo không chấp nhận và vẫn cho rằng đó là phần đất của mình. Việc bị cáo xây hàng rào trên phần hành lang đường bộ là hành vi vi phạm pháp luật; anh T không cho bị cáo xây hàng rào là hoàn toàn đúng đắn nhưng bị cáo lại sẵn sàng dùng dao đâm anh T gây thương tích; sau khi đâm bị hại, bị cáo còn nói “*Sâu lắm đấy*”. Đồng thời, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo có hành vi gây rối, đe dọa, gây bức xúc trong nhân dân nơi cư trú; khiêu nại, tố cáo không có căn cứ pháp luật, đã được cơ quan có thẩm quyền trả lời nhưng bị cáo không chấp hành. Hành vi gây thương tích của bị cáo không tương xứng với nguyên nhân xảy ra sự việc, thể hiện tính chất côn đồ. Các danh hiệu khen thưởng của con trai bị cáo không phải là danh hiệu cao quý của Nhà nước nên không đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS; đồng thời không đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các khen thưởng của con trai bị cáo mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét khi quyết định hình phạt.

Bị hại đồng ý với ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã ân hận về sai phạm của mình, xin lỗi bị hại và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân tốt, sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 Quân khu 2; Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên toà, người tham gia tố tụng trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, xác minh tại phiên toà. HĐXX có đủ cơ sở nhận định: Xuất phát từ việc bị cáo tự cho rằng phần đất hành lang đường bộ trước cửa nhà bị hại T và một số hộ gia đình xung quanh là đất của bị cáo. Bị cáo đã tự ý thuê người dựng hàng rào sắt trước cửa nhà bị hại T nhằm mục đích chiếm giữ đất. Khi bị hại T ngăn cản thì bị cáo đã dùng tay phải rút con dao nhọn từ túi quần tiến đến chỗ bị hại T đứng, đâm một nhát vào vùng ngực phía trước bên phải của bị hại T theo chiều từ trên xuống dưới, từ trước về sau làm bị hại tổn thương cơ thể là 01%. Ngày 16/01/2024, bị hại có đơn đề nghị khởi tố vụ án đối với hành vi gây thương tích của bị cáo.

Hành vi dùng dao nhọn vô cớ đâm vào ngực phải của bị hại T tại nơi đông người qua lại nhằm giải tỏa bức xúc, nóng giận của bản thân. Sau khi đâm bị hại T, bị cáo còn nói “*sâu lắm đấy*” và quay người về nhà, không có ý định đưa bị hại T đi cấp cứu. Đồng thời, trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã có nhiều lần gây rối, đe dọa hàng xóm, gây bức xúc trong nhân dân đã thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a và “có tính chất côn đồ” quy định điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS. Do đó, không có cơ sở đáp ứng yêu cầu của người bào chữa về việc không áp dụng tình tiết phạm tội “Có tính chất côn đồ” theo điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS đối với bị cáo.

Từ nhận định, phân tích đánh giá trên, HĐXX có đủ cơ sở khách quan và căn cứ pháp lý để kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS. Ý kiến của KSV là có căn cứ.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là ít nghiêm trọng; thực hiện với lỗi cố ý; trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS: HĐXX thấy, nguyên nhân dẫn đến vụ án xuất phát từ hành vi xây dựng trái pháp luật của bị cáo. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã nhờ gia đình thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại của vụ án cho bị hại; tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội bị cáo là người trên 70 tuổi; bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng 3; bị cáo là Thương binh Loại A. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Là người đủ 70 tuổi trở lên”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu”, “Là người có công với cách mạng” theo quy định tại các điểm b, điểm i, điểm o, điểm s, điểm v, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại có đơn và tại phiên toà xin giảm nhẹ TNHS cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối với việc con ruột bị cáo là anh Nguyễn Hữu T được tặng thưởng các danh hiệu (Chiến sĩ tiên tiến các năm 2020, 2021, 2022; Chiến sĩ thi đua năm 2023; Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023) đây không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 BLHS nhưng HĐXX đã xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Vì vậy, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo là có căn cứ pháp luật; ý kiến của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết con bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm; mặc dù bị cáo có 06 tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 1 Điều 51, có tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, xem xét nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo là người có công với cách mạng, người cao tuổi nhưng quá trình sinh sống tại địa phương không gương mẫu chấp hành pháp luật của nhà nước; nhiều lần có hành vi gây rối, đe dọa gây bức xúc trong nhân dân nơi cư trú; khiếu nại, tố cáo không có căn cứ pháp luật, đã được cơ quan có thẩm quyền trả lời, giải thích, gia đình can ngăn nhưng bị cáo không chấp hành mà tiếp tục có hành vi xây dựng công trình trái pháp luật. Khi bị hại ngăn không cho bị cáo tiếp tục xây hàng rào thì bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, thể hiện tính côn đồ của bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo không chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do đó, mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi

phạm tội và nhân thân của bị cáo; đồng thời cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa là có căn cứ.

Tuy nhiên, HĐXX sẽ xem xét để quyết định một mức hình phạt phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo là người có công với cách mạng, người cao tuổi.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 1 các Điều 584, 585, 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự (BLDS) bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Phạm Xuân T. Bị cáo, gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận và bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền là 20.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 22/3/2024. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại vẫn giữ quan điểm như thỏa thuận và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Pro màu vàng đồng, số IMEI(1) 356458098951569; IMEI(2): 356459098951567. Bên trong điện thoại chứa 01 sim Viettel số sery 8984048000016978667 và 01 thẻ nhớ 16Gb. Việc trả lại tài sản này của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng là 01 con dao nhọn bằng kim loại, đây là công cụ phạm tội nên HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTH để tịch thu, tiêu hủy.

Đối với các vật chứng 01 áo bảo hộ lao động, 01 áo nỉ, 01 áo lót của bị hại; tại phiên tòa, bị hại không nhận lại nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi và có công với cách mạng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo có đơn xin miễn án phí. Căn cứ, quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 10 Luật phí và lệ phí; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm o, điểm s, điểm v và điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử

phạt bị cáo Nguyễn K 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 07/02/2024.

2. Về bồi thường thiệt hại

Ghi nhận bị cáo Nguyễn K đã thoả thuận và bồi thường xong toàn bộ thiệt hại của vụ án cho bị hại số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 (một) con dao.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 áo bảo hộ lao động, 01 áo nỉ, 01 áo lót.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như đã nêu tại Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật ngày 16/01/2024 của Công an xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của UBTVQH, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/5/2024), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 2./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK2;
- VKSQSQK2;
- VKSQSKV21;
- CQĐTHS KV1- QK2;
- CQTHAHSQK2;
- TTGQK2;
- Phòng THAQK2;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Phòng TTTL, QLLLTP TAQSTW;
- Lưu: THAHS, Hồ sơ vụ án; Đ14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

4/ Đặng Quốc Đạt